

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG  
VQG U MINH THƯỢNG**

-----\*\*\*-----



**THUYẾT MINH  
PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN  
2021 – 2030 CỦA VƯỜN QUỐC GIA U MINH THƯỢNG**

*(Đã tiếp thu chỉnh sửa theo góp ý của Hội đồng thẩm định Phương án)*

**KIÊN GIANG, 2022**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG  
VƯỜN QUỐC GIA U MINH THƯỢNG**

-----\*\*\*-----



**THUYẾT MINH  
PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN  
2021 – 2030 CỦA VƯỜN QUỐC GIA U MINH THƯỢNG**

**CHỦ ĐẦU TƯ  
VƯỜN QUỐC GIA U MINH THƯỢNG  
GIÁM ĐỐC**

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN  
XÂY DỰNG KIÊN GIANG  
GIÁM ĐỐC**

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
KIÊN GIANG**

**KIÊN GIANG, 2022**

## MỤC LỤC

|                                                                                                    |            |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>MỤC LỤC .....</b>                                                                               | <b>i</b>   |
| <b>DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT .....</b>                                                              | <b>v</b>   |
| <b>DANH MỤC CÁC BẢNG .....</b>                                                                     | <b>vi</b>  |
| <b>DANH MỤC CÁC HÌNH .....</b>                                                                     | <b>vii</b> |
| <b>MỞ ĐẦU .....</b>                                                                                | <b>1</b>   |
| 1. Khái quát chung về công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng đảm bảo mục đích sử dụng rừng ..... | 1          |
| 2. Sự cần thiết phải xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững ...                     | 2          |
| <b>Chương 1: CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN.....</b>                                                    | <b>5</b>   |
| <b>I. CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC.....</b>                                                | <b>5</b>   |
| 1. Văn bản quy phạm pháp luật của trung ương .....                                                 | 5          |
| 2. Văn bản của địa phương.....                                                                     | 7          |
| <b>II. CAM KẾT QUỐC TẾ .....</b>                                                                   | <b>8</b>   |
| <b>III. TÀI LIỆU SỬ DỤNG .....</b>                                                                 | <b>9</b>   |
| <b>Chương 2: ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG CỦA ĐƠN VỊ .....</b>                                              | <b>11</b>  |
| <b>I. THÔNG TIN CHUNG.....</b>                                                                     | <b>11</b>  |
| 1. Tên đơn vị: .....                                                                               | 11         |
| 2. Địa chỉ: .....                                                                                  | 11         |
| 3. Điện thoại: .....                                                                               | 11         |
| 4. Quyết định thành lập, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.....                                       | 11         |
| 5. Cơ cấu tổ chức của đơn vị:.....                                                                 | 12         |
| <b>II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐỊA HÌNH, KHÍ HẬU, THỦY VĂN VÀ THỎ NHƯỜNG .....</b>                          | <b>15</b>  |
| 1. Vị trí địa lý, địa hình .....                                                                   | 15         |
| 2. Khí hậu .....                                                                                   | 17         |
| 3. Thủy văn.....                                                                                   | 18         |
| 4. Địa chất và thổ nhưỡng .....                                                                    | 22         |
| <b>III. DÂN SINH, KINH TẾ, XÃ HỘI.....</b>                                                         | <b>23</b>  |
| 1. Dân số, dân tộc, lao động .....                                                                 | 23         |
| 2. Kinh tế: những hoạt động kinh tế chính, thu nhập đời sống của dân cư .....                      | 24         |

|                                                                                                                 |    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 3. Xã hội: thực trạng giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa .....                                                  | 27 |
| IV. GIAO THÔNG.....                                                                                             | 29 |
| 1. Hệ thống giao thông đường bộ trong khu vực .....                                                             | 29 |
| 2. Hệ thống giao thông đường thủy.....                                                                          | 29 |
| V. DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG .....                                                                                | 31 |
| 1. Những loại dịch vụ môi trường rừng mà đơn vị đang triển khai, thực hiện ...                                  | 31 |
| 2. Đánh giá tiềm năng cung cấp các loại dịch vụ môi trường.....                                                 | 32 |
| VI. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT .....                                                                                | 35 |
| 1. Thống kê hiện trạng sử dụng đất của đơn vị chủ rừng.....                                                     | 35 |
| 2. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, tình hình quản lý, sử dụng đất ...                               | 36 |
| VII. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG.....                                                                            | 39 |
| 1. Hiện trạng diện tích, trạng thái, chất lượng các loại rừng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng .....          | 39 |
| 2. Hiện trạng tài nguyên ĐNN .....                                                                              | 44 |
| 3. Tổng trữ lượng, trữ lượng bình quân các loại rừng .....                                                      | 46 |
| 4. Hiện trạng phân bố lâm sản ngoài gỗ.....                                                                     | 46 |
| VIII. HIỆN TRẠNG VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN .....                                  | 49 |
| 1. Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị .....                                                                        | 49 |
| 2. Kết quả các chương trình, dự án đã thực hiện .....                                                           | 51 |
| IX. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG, BẢO TỒN ĐDSH.....                                        | 59 |
| 1. Quản lý rừng tự nhiên .....                                                                                  | 59 |
| 2. Quản lý rừng trồng .....                                                                                     | 60 |
| 3. Công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và sâu bệnh gây hại rừng.....                               | 61 |
| 3. Quản lý LSNG.....                                                                                            | 62 |
| 5. Quản lý, bảo tồn ĐDSH .....                                                                                  | 62 |
| 6. Công tác quản lý, xử lý vi phạm pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn ĐDSH ..... | 69 |
| IX-A. PHÂN KHU CHỨC NĂNG CỦA KHU RỪNG ĐẶC DỤNG .....                                                            | 71 |

|                                                                                                               |           |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 1. Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt .....                                                                          | 72        |
| 2. Phân khu phục hồi sinh thái .....                                                                          | 72        |
| 3. Phân khu bảo tồn di tích lịch sử .....                                                                     | 73        |
| 4. Phân khu dịch vụ, hành chính .....                                                                         | 73        |
| 5. Vùng đệm: diện tích, hiện trạng vùng đệm .....                                                             | 74        |
| <b>IX-B. XÁC ĐỊNH CHỨC NĂNG PHÒNG HỘ CỦA RỪNG .....</b>                                                       | <b>76</b> |
| <b>IX-C. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH CỦA CHỦ RỪNG TRONG BA NĂM LIÊN TIẾP LIỀN KẾ .....</b>            | <b>77</b> |
| 1. Về thực hiện phân loại đơn vị sự nghiệp công.....                                                          | 77        |
| 2. Hạng mục các nguồn kinh phí của chủ rừng:.....                                                             | 77        |
| 3. Hạng mục các nguồn chi của chủ rừng: .....                                                                 | 78        |
| <b>Chương 3: MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ HIỆU QUẢ PHƯƠNG ÁN .....</b>                                               | <b>79</b> |
| <b>I. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG .....</b>                                                     | <b>79</b> |
| 1. Mục tiêu chung.....                                                                                        | 79        |
| 2. Mục tiêu cụ thể.....                                                                                       | 79        |
| <b>II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....</b>                                                                         | <b>80</b> |
| 1. Diện tích VQG .....                                                                                        | 80        |
| 2. Các phân khu chức năng rừng đặc dụng .....                                                                 | 81        |
| <b>III. KẾ HOẠCH KHOÁN BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ TẠI CHỖ .....</b> | <b>84</b> |
| 1. Kế hoạch khoán bảo vệ và phát triển rừng.....                                                              | 84        |
| 2. Kế hoạch, nội dung thực hiện đồng quản lý.....                                                             | 85        |
| <b>IV. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN, SỬ DỤNG RỪNG BỀN VỮNG, BẢO TỒN ĐDSH .....</b>                    | <b>90</b> |
| 1. Kế hoạch bảo tồn ĐDSH, cứu hộ động vật;.....                                                               | 90        |
| 2. Kế hoạch phục hồi HST rừng.....                                                                            | 101       |
| 3. Kế hoạch nghiên cứu khoa học và đào tạo nguồn nhân lực.....                                                | 104       |
| 4. Kế hoạch phát triển DLST, thuê môi trường rừng;.....                                                       | 106       |
| 5. Hoạt động dịch vụ cho cộng đồng.....                                                                       | 112       |
| 6. Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng và thuê môi trường rừng .....                                    | 114       |

|                                                                                                                                                                            |            |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 7. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng.....                                                                                              | 117        |
| 8. Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, ĐDSH; điều tra, kiểm kê rừng.....                                                                                                   | 117        |
| V. NHU CẦU VỐN VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ.....                                                                                                                                    | 121        |
| 1. Tổng hợp nhu cầu vốn cho kế hoạch quản lý rừng bền vững.....                                                                                                            | 121        |
| 2. Phân nguồn vốn đầu tư.....                                                                                                                                              | 123        |
| 3. Danh mục đầu tư .....                                                                                                                                                   | 127        |
| 4. Phân kỳ đầu tư.....                                                                                                                                                     | 129        |
| VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN .....                                                                                                                                              | 131        |
| 1. Giải pháp về công tác quản lý, nguồn nhân lực .....                                                                                                                     | 131        |
| 2. Giải pháp về phối hợp với các bên liên quan.....                                                                                                                        | 133        |
| 3. Giải pháp về khoa học, công nghệ .....                                                                                                                                  | 133        |
| 4. Giải pháp về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư .....                                                                                                                 | 134        |
| 5. Giải pháp về thị trường .....                                                                                                                                           | 135        |
| 6. Giải pháp về bảo tồn, phát huy di sản văn hóa truyền thống, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ..... | 135        |
| 7. Giải pháp về quản lý đất đai.....                                                                                                                                       | 136        |
| VII. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN .....                                                                                                                                 | 136        |
| 1. Hiệu quả về kinh tế.....                                                                                                                                                | 136        |
| 2. Hiệu quả về xã hội.....                                                                                                                                                 | 137        |
| 3. Hiệu quả về môi trường.....                                                                                                                                             | 137        |
| <b>Chương 4: TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....</b>                                                                                                                                    | <b>138</b> |
| I. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ .....                                                                                                                                                | 138        |
| II. KẾ HOẠCH KIỂM TRA, GIÁM SÁT .....                                                                                                                                      | 140        |
| III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....                                                                                                                                            | 141        |
| 1. Kết luận .....                                                                                                                                                          | 141        |
| 2. Kiến nghị .....                                                                                                                                                         | 142        |
| <b>DANH SÁCH CÁC PHỤ LỤC .....</b>                                                                                                                                         | <b>143</b> |

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

| <b>Chữ viết tắt</b> | <b>Nghĩa đầy đủ</b>                                                                                                                   |
|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| BNNPTNT             | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn                                                                                                |
| BTTN                | Bảo tồn thiên nhiên                                                                                                                   |
| CITES               | Công ước về thương mại quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp                                                              |
| ĐDSH                | Đa dạng sinh học                                                                                                                      |
| DLST                | Du lịch sinh thái                                                                                                                     |
| ĐNN                 | Đất ngập nước                                                                                                                         |
| DVMTR               | Dịch vụ môi trường rừng                                                                                                               |
| ĐVT                 | Đơn vị tính                                                                                                                           |
| HCV                 | High conservation value - Khu rừng có giá trị bảo tồn cao                                                                             |
| HST                 | Hệ sinh thái                                                                                                                          |
| ILO                 | Tổ chức lao động quốc tế                                                                                                              |
| IUCN                | International Union for Conservation of Nature and Natural Resources. Liên minh Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên |
| NNPTNT              | Nông nghiệp phát triển nông thôn                                                                                                      |
| PCCCR               | Phòng cháy chữa cháy rừng                                                                                                             |
| QĐ                  | Quyết định                                                                                                                            |
| QLBVR               | Quản lý bảo vệ rừng                                                                                                                   |
| SĐVN                | Sách đỏ Việt Nam                                                                                                                      |
| TTg                 | Thủ tướng Chính phủ                                                                                                                   |
| UBND                | Ủy ban nhân dân                                                                                                                       |
| VQG                 | Vườn Quốc gia                                                                                                                         |

## DANH MỤC CÁC BẢNG

|                                                                                                      |     |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| Bảng 1. Phân bố diện tích theo độ cao của VQG.....                                                   | 17  |
| Bảng 2. Phân bố số hộ và lao động .....                                                              | 23  |
| Bảng 3. Thực trạng một số mô hình sinh kế chính ở vùng đệm ở VQG U Minh Thượng .....                 | 24  |
| Bảng 4. Hệ thống giao thông đường bộ bên trong VQG .....                                             | 29  |
| Bảng 5. Tổng hợp hệ thống giao thông thủy chính trong vùng lõi ở VQG .....                           | 30  |
| Bảng 6. Thống kê lượng du khách đến tham quan và doanh thu 2010 - 2021 ...                           | 31  |
| Bảng 7. Hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp VQG năm 2021 .....                                         | 35  |
| Bảng 8. Hiện trạng thảm thực vật VQG U Minh Thượng .....                                             | 39  |
| Bảng 9. Phân loại ĐNN ở VQG U Minh Thượng .....                                                      | 44  |
| Bảng 10. Tổng trữ lượng bình quân theo các trạng thái rừng.....                                      | 46  |
| Bảng 11. Thông tin về tổng sinh khối, giá trị kinh tế của 05 loài LSNG chủ yếu .....                 | 47  |
| Bảng 12. Tổng sản lượng của 10 loài cá phổ biến có thể khai thác hằng năm tại VQG U Minh Thượng..... | 47  |
| Bảng 13. Thống kê hiện trạng cơ sở vật chất của VQG .....                                            | 50  |
| Bảng 14. Kết quả thực hiện phát triển rừng 2010 – 2020 của VQG.....                                  | 53  |
| Bảng 15. Biến động loài động vật của VQG 2003-2021 .....                                             | 67  |
| Bảng 16. Tình hình vi phạm bảo vệ và phát triển rừng VQG từ 2010 - 2021 ....                         | 69  |
| Bảng 17. Tổng hợp các nguồn kinh phí hoạt động của VQG từ 2018 – 2020 ...                            | 77  |
| Bảng 18. Tổng hợp các nguồn chi hoạt động của VQG từ 2018 – 2020.....                                | 78  |
| Bảng 19. Bảng chu chuyển diện tích giữa các phân khu chức năng VQG U Minh Thượng .....               | 82  |
| Bảng 20. Danh mục các loài cá nước ngọt được phép khai thác .....                                    | 87  |
| Bảng 21. Danh mục các loài cây được phép khai thác sử dụng.....                                      | 88  |
| Bảng 22. Danh mục các loài cây dược liệu gây trồng và sử dụng bền vững.....                          | 89  |
| Bảng 23. Diện tích nuôi dưỡng rừng tự nhiên của VQG đến năm 2030 .....                               | 104 |
| Bảng 24. Tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư phân theo hạng mục.....                                         | 121 |
| Bảng 25. Phân nguồn vốn cho kế hoạch quản lý rừng bền vững.....                                      | 124 |
| Bảng 26. Danh mục đầu tư của phương án .....                                                         | 128 |
| Bảng 27. Phân kỳ đầu tư kế hoạch thực hiện phương án.....                                            | 129 |



## DANH MỤC CÁC HÌNH

|                                                                |    |
|----------------------------------------------------------------|----|
| Hình 1. Sơ đồ tổ chức của VQG U Minh Thượng .....              | 13 |
| Hình 2. Phân bố độ cao của VQG trước năm 2002 .....            | 16 |
| Hình 3. Phân bố độ cao của VQG sau năm 2002.....               | 16 |
| Hình 4. Hệ thống kênh và đê bao của VQG.....                   | 20 |
| Hình 5. Sơ đồ hiện trạng thảm thực vật VQG U Minh Thượng ..... | 42 |
| Hình 6. Sơ đồ hiện trạng ĐNN VQG U Minh Thượng.....            | 45 |
| Hình 7. Rừng tràm trên đất than bùn.....                       | 63 |
| Hình 8. Thảm thực vật Bồn bôn, Bèo cái.....                    | 64 |
| Hình 9. Súng ma.....                                           | 65 |
| Hình 10. Sơ đồ các phân khu chức năng ở VQG đến năm 2020 ..... | 75 |
| Hình 11. Sơ đồ phân khu chức năng VQG U Minh Thượng .....      | 83 |
| giai đoạn 2021 - 2030.....                                     | 83 |
| Hình 12. Sơ đồ quy hoạch phân khu quản lý nước .....           | 93 |

## **MỞ ĐẦU**

### **1. Khái quát chung về công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng đảm bảo mục đích sử dụng rừng**

VQG (VQG) U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang được thành lập theo Quyết định số 11/2002/QĐ-TTg ngày 14/01/2002 của Thủ tướng Chính phủ về chuyển hạng khu bảo tồn thiên nhiên U Minh Thượng thành VQG U Minh Thượng nhằm bảo tồn mẫu chuẩn quốc gia về hệ sinh thái (HST) rừng Tràm trên đất than bùn; bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH); bảo vệ di tích lịch sử của các cuộc kháng chiến cứu nước; phục vụ các mục tiêu nghiên cứu khoa học, giáo dục môi trường, giải trí và nghỉ dưỡng; góp phần duy trì sự cân bằng sinh thái, gia tăng độ che phủ rừng; đảm bảo an ninh môi trường và sự phát triển bền vững của đồng bằng sông Cửu Long. VQG U Minh Thượng là một trong những vùng đất ngập nước (ĐNN) nội địa quan trọng của Việt Nam; đã được tổ chức UNESCO công nhận là một trong ba khu vực trọng yếu khu dự trữ sinh quyển thế giới Kiên Giang, Vườn di sản ASEAN, khu Ramsar.

Từ khi thành lập đến nay, với sự quan tâm của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã đầu tư từ nguồn vốn của Nhà nước, nguồn tài trợ của các tổ chức quốc tế, VQG U Minh Thượng đã đạt được kết quả tốt về bảo vệ rừng, bảo tồn giá trị ĐDSH HST rừng Tràm trên đất than bùn cũng như các giá trị văn hoá lịch sử hiện hữu. Bên cạnh đó còn thực hiện tốt các hoạt động nghiên cứu, tuyên truyền giáo dục về bảo tồn, khai thác tiềm năng phát triển du lịch sinh thái (DLST), góp phần cùng chính quyền địa phương phát triển, ổn định đời sống người dân trong vùng. Các hoạt động chính VQG đã thực hiện trong thời gian qua gồm có:

- Quản lý bảo vệ rừng (QLBVR) thông qua các hoạt động: kiện toàn tổ chức lực lượng trực tiếp thực hiện công tác bảo vệ rừng, tăng cường tuần tra, kiểm soát vi phạm quy định về bảo vệ rừng, bảo tồn ĐDSH và lĩnh vực thủy sản; tăng cường quy chế phối hợp giữa VQG với chính quyền địa phương, lực lượng công an, hạt kiểm lâm liên huyện Vĩnh Thuận - U Minh Thượng;

- Phòng cháy chữa cháy rừng (PCCCR): tổ chức xây dựng phương án PCCCR hàng năm và thực hiện theo phương án được duyệt;

- Khôi phục, phát triển rừng thông qua các hoạt động trồng và chăm sóc rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung theo quy hoạch và dự án được duyệt;

- Bảo tồn và nghiên cứu khoa học thông qua các hoạt động cứu hộ, tái thả về môi trường tự nhiên các loài động vật từ các vụ vi phạm pháp luật, tự nguyện trao tặng của các tổ chức, cá nhân; thực hiện các hoạt động giám sát, đánh giá một số loài động vật quý, hiếm. Bên cạnh đó, là thực hiện các chương trình bảo tồn, các đề tài nghiên cứu khoa học nhằm phục vụ cho công tác quản lý bảo tồn ĐDSH của VQG;